

Chị trưởng vốn và các định chế tài chính.

Chương I: Tổng quan về thị trường tài chính.

D & N

- T^2 tài chính sẽ là nơi trao đổi mua bán các công cụ tài chính.
- T^2 tài chính sẽ là nơi gặp gỡ ~ là thừa vốn và là thiếu vốn, cung cấp nhà đầu tư khả năng giải quyết vấn đề thanh khoản trong trường hợp nhà đầu tư muốn bán tài sản tài chính.

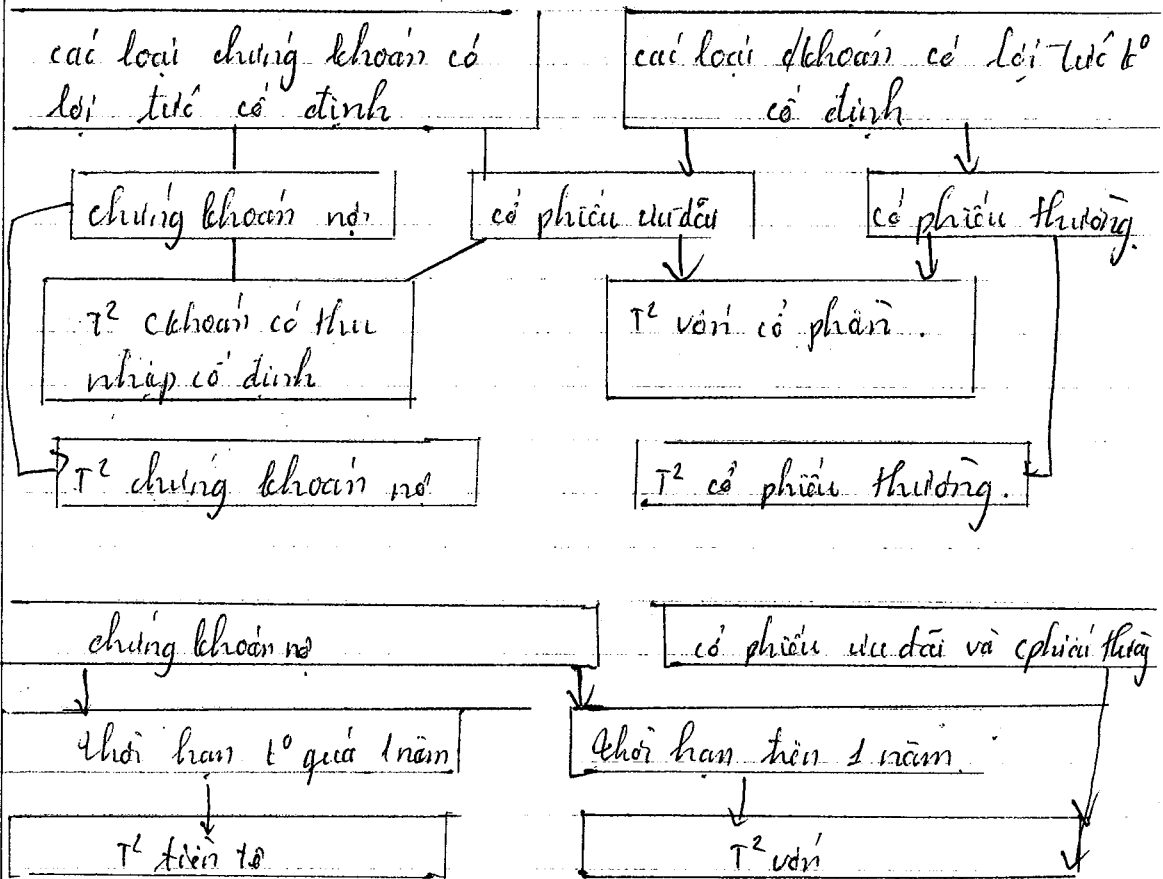
g) các tổ chức tài chính.

- * TC nhận tiền gửi và TC phi tiền gửi
- * NH Thương mại: tổ chức trung gian giữa là thừa vốn và thiếu vốn.
- * TNC tiết kiệm: là loại hình tổ chức nhận tiền gửi thường được tổ chức dưới hình thức tiết kiệm hoặc cho vay hoặc đóng góp từ NH TM, chủ yếu tập trung vào các nhân viên là cty.
- * hiệp hội tích lũy: là tổ chức phi lợi nhuận. Nguồn vốn sử dụng để huy động từ hội viên và cung cấp tín dụng lại cho các hội viên.
- * TNC phi tiền gửi
- * cty tài chính: huy động vốn = cách phát hành chứng khoán và sử dụng vốn huy động để cho vay, huy động cho vay của cty tài chính giống NH TM, nhưng nó chỉ chủ yếu phân phối loại T^2 nào đó.
- * quỹ đầu tư hỗ trợ: huy động vốn = cách bán cổ phần cho các nhà đầu tư và sử dụng số vốn đó để đầu tư chứng khoán trên T^2 tài chính.
- * cty chứng khoán: cty chứng khoán sẽ cung cấp các loại hình d/v: Tài chính như môi giới, kinh doanh, tư vấn.
- * cty bảo hiểm: huy động vốn = cách chia bán các hợp đồng

Giấy độ trắng tự nhiên chống lóa - mờ mắt

HONG HA

cho quản lý và sử dụng NV huy động để đầu tư vào
 T^2 tài chính, từ hình thành từ tiền
 quỹ lưu bằng đóng góp của các Cty và phải được sử dụng
 đầu tư vào T^2 tài chính, vốn gốc và lãi để chi trả dưới
 hình thức lương hưu
 phân loại T^2 tài chính.



các công cụ tài chính.
 trên T^2 vốn,
 thời phiếu
 - cổ phiếu, chứng khoán cầm cố bất động sản.
 - thời phiếu là chứng nhận dài hạn do Cty hoặc CP
 phát hành để huy động vốn đầu tư cho hoạt động
 - cổ phiếu (c.k. vốn), là chứng nhận đầu tư và sử dụng 1 phần
 Giấy độ trắng tự nhiên chống giả - mỗi mặt

HONG HA

trong cty có phần.

- Ckhoán, cầm cố bất động sản là loại chứng nhận nợ dài hạn do tạo ra việc nhằm việc mua bất động sản.

• trên TC tiền tệ.

- các công cụ tài chính ngắn hạn

- tín phiếu kho bạc, là ckhoán có thời hạn ≤ 1 năm do kho bạc phát hành để huy động vốn bù đắp thiếu hụt cho ngân sách.

- chứng chỉ tiền gửi là chứng chỉ do các tổ chức nhận tiền gửi phát hành.

- tín phiếu cty là các chứng khoán ngắn hạn do cty phát hành để huy động vốn ngắn hạn.

- chuẩn nhận của Ngân hàng các NH sẽ chấp nhận thanh toán số tiền ghi trên hối phiếu khi hối phiếu đi xuất trình tới NH.

- thỏa thuận mua lại: là thỏa thuận theo đó NH sẽ bán ckhoán ở mà họ sẽ giữ kèm theo cam kết sau này mua lại ckhoán đó.

Chương II: Cổ phiếu và định giá cổ phiếu.

- Định giá cổ phiếu ưu đãi.

$$V = \frac{D_p}{k_p}$$

D_p : cổ tức hàng năm của cổ phiếu ưu đãi.

k_p : tỷ suất chiết khấu thích hợp.

V : giá của cổ phiếu ưu đãi.

- cổ phiếu ưu đãi là loại cổ phiếu cty phát hành cam kết trả tỷ lệ cổ tức cố định hàng năm và không tuyên bố ngày đáo hạn.

$$V_p = \frac{D_p}{(1+k_p)^1} + \frac{D_p}{(1+k_p)^2} + \dots + \frac{D_p}{(1+k_p)^n} + \frac{D_p}{(1+k_p)^\infty}$$

$$V_f = \sum_{n=1}^{\infty} \frac{D_f}{(1+k_f)^n} = \frac{D_f}{k_f}$$

Định giá cổ phiếu thường:

V : giá cổ phiếu thường.

D_1 : cổ tức chi trả năm 1.

D_2 : " " " " " " 2.

D_{∞} : " " " " " " ∞

k_e : tỷ suất chiết khấu (tỷ suất sinh lợi yêu cầu).

P_n : giá cổ phiếu vào năm n .

$$V = \frac{D_1}{(1+k_e)^1} + \frac{D_2}{(1+k_e)^2} + \dots + \frac{D_n}{(1+k_e)^n}$$

4. Mô hình chiết khấu cổ tức.

Mô hình chiết khấu cổ tức với tốc độ tăng trưởng g ổn định.
 giá sử tốc độ \uparrow tương cổ tức hằng năm sẽ \uparrow với
 tốc độ là g

$$D_1 = D_0 + D_0 \cdot g = D_0 (1+g)$$

$$D_2 = D_1 + D_1 \cdot g = D_1 (1+g) = D_0 (1+g)^2$$

$$D_n = D_{n-1} + D_{n-1} \cdot g = D_{n-1} (1+g) = D_0 (1+g)^n$$

Mô hình:

$$V = \frac{D_0 (1+g)}{(1+k_e)^1} + \frac{D_0 (1+g)^2}{(1+k_e)^2} + \dots + \frac{D_0 (1+g)^{\infty}}{(1+k_e)^{\infty}}$$

$$\frac{V(1+k_e)}{(1+g)} - V = D_0 - \frac{D_0 (1+g)^{\infty}}{(1+k_e)^{\infty}}$$

$$V = \left[\frac{1+k_e}{1+g} \right] = D_0$$

$$V = D_1 / (k_e - g)$$

Giấy độ trắng tự nhiên chống lửa - môi mát

HONG HA

HONG HA

Bài tập 1: Một nhà đầu tư cá nhân đang nắm giữ 3 loại cổ phiếu: cổ phiếu SAM, ACB, STB hiện đang trả cổ tức lần lượt là 1.600, 2.400, và 1.200 đồng. Theo kỳ vọng chủ quan của nhà đầu tư này thì cổ phiếu SAM sẽ đạt chỉ trả cổ tức tối thiểu ở mức nào trong dài hạn, cổ phiếu ACB sẽ chỉ trả cổ tức với mức tăng trưởng 10% trong vòng 3 năm đến, sau đó sẽ duy trì tỷ lệ tăng trưởng cổ tức ở mức tối thiểu mỗi năm là 6% / năm trong dài hạn. Cổ phiếu STB sẽ chỉ trả cổ tức với mức tăng trưởng 12% / năm vào năm tới, sau đó, tỷ lệ tăng trưởng cổ tức của cổ phiếu STB sẽ được duy trì ở mức 10% / năm trong vòng 5 năm (có nghĩa là cho đến hết năm thứ 6). Sau đó tỷ lệ tăng trưởng cổ tức sẽ bằng 0.

Yêu cầu:

- Với tỷ suất lợi nhuận yêu cầu $k_e = 12\%$, anh chị hãy cho biết giá của mỗi cổ phiếu là bao nhiêu? giá đó là giá lý thuyết hay giá thị trường?
- anh chị hãy tính toán lại giá của 3 cổ phiếu nơi trên nêu như có lạm phát xảy ra khiến cho tỷ suất lợi nhuận yêu cầu k_e tăng thêm 1 mức bằng tỷ lệ lạm phát là 7%?

VD 1: Cty A năm trước trả cổ tức là 40.000đ cổ tức cty này được kỳ vọng có cổ tức tăng trưởng 6% trong mãi mãi! Hỏi giá cổ phiếu của cty là bao nhiêu? Biết rằng tỷ suất sinh lợi yêu cầu là 14%.

Giải:

$D_0 = 40.000$	$D_1 = D_0 (1 + g) = 40.000 (1 + 6\%) = 42.400$
$g = 6\%$	
$k_e = 14\%$	$V = \frac{D_1}{(k_e - g)} = \frac{42.400}{14\% - 6\%} = 530.000$

VP₂

Năm trước Cty A trả có tức là 210.000 có tức Cty này dự bị vàng có tốc độ tăng trưởng 6% trong 5 năm đầu sau đó tốc độ tăng trưởng có tức của Cty chỉ 5% duy trì hàng năm mãi.

Hệ giá có phiên đã bao nhiêu? nếu nhà đầu tư đòi hỏi tỷ suất lợi nhuận là 14%

Bài làm:

$$D_0 = 210.000$$

$$D_1 = 210.000 (1 + 6\%) = 42.400$$

$$g_1 = 6\%$$

$$D_2 = 210.000 (1 + 6\%)^2 = 44.944$$

$$k = 14\%$$

$$D_3 = 210.000 (1 + 6\%)^3 = 47.640$$

$$g_2 = 5\%$$

$$D_4 = 210.000 (1 + 6\%)^4 = 50.499$$

$$D_5 = 210.000 (1 + 6\%)^5 = 53.529$$

$$D_6 = 53.529 (1 + 5\%)^1 = 56.205$$

$$V_1 = \frac{D_1}{1+k} + \frac{D_2}{(1+k)^2} + \frac{D_3}{(1+k)^3} + \frac{D_4}{(1+k)^4} + \frac{D_5}{(1+k)^5}$$

$$= \frac{42.400}{(1+14\%)} + \frac{44.944}{(1+14\%)^2} + \frac{47.640}{(1+14\%)^3} + \frac{50.499}{(1+14\%)^4} + \frac{53.529}{(1+14\%)^5}$$

$$= 161.633$$

$$V_2 = \frac{D_6}{k_2 - g_2} = \frac{56.205}{14\% - 5\%} = 624.500$$

giá cổ phiếu $V = V_1 + V_2$

Hiện giá $V_2 = \frac{V_2}{(1+k)^5} = \frac{624.500}{(1+14\%)^5} = 324.546$

$$V = V_1 + V_2 = 161.633 + 324.546 = 486.179$$

giải BT1:

$$D_{SAM} = 1.600$$

$$g_{ACB} = 10\% / 8 \text{ năm}$$

$$g_{ACB} = 6\%$$

$$D_{ACB} = 2.400$$

$$D_{STB} = 1.200$$

$$g_{STB} = 12\%$$

$$g_{STB} = 10\% / 8 \text{ năm}$$

a)

Date

No.

- giá cổ phiếu ACB.

$$D_1 = D_0 (1+g) = 2.400 (1+10\%) = 2.640$$

$$D_2 = D_0 (1+g)^2 = 2.400 (1+10\%)^2 = 2.904$$

$$D_3 = D_0 (1+g)^3 = 2.400 (1+10\%)^3 = 3.194$$

$$D_4 = D_3 (1+g)^4 = 3.194 (1+6\%)^4 = 4032$$

$$V_1 = \frac{D_1}{1+k_e} + \frac{D_2}{(1+k_e)^2} + \frac{D_3}{(1+k_e)^3}$$

$$= \frac{2.640}{1+12\%} + \frac{2.904}{(1+12\%)^2} + \frac{3.194}{(1+12\%)^3} = 6.946$$

$$V_2 = \frac{D_4}{k_e - g} = \frac{4032}{12\% - 6\%} = 67.200$$

$$\text{Hiện giá } V_2 = \frac{V_2}{(1+k_e)^3} = \frac{67.200}{(1+12\%)^3} = 47.832$$

$$\Rightarrow V_{ACB} = V_1 + V_2 = 6.946 + 47.832 = 54.778$$

- giá cổ phiếu STB.

$$D_1 = D_0 (1+g) = 1.200 (1+12\%) = 1.344$$

$$V_1 = \frac{D_1}{(k_e - g)} = \frac{1.344}{12\% - 12\%} = 0$$

giá cổ phiếu trong vòng 5 năm.

$$D_1 = 1.344 (1+10\%) = 1.478$$

$$D_2 = 1.344 (1+10\%)^2 = 1.626$$

$$D_3 = 1.344 (1+10\%)^3 = 1.789$$

$$D_4 = 1.344 (1+10\%)^4 = 1.968$$

$$D_5 = 1.344 (1+10\%)^5 = 2.165$$

$$D_6 = 2.165 (1+0\%)^6 = 2.165$$

$$V_2 = \frac{1.478}{1+12\%} + \frac{1.626}{(1+12\%)^2} + \frac{1.789}{(1+12\%)^3} + \frac{1.968}{(1+12\%)^4} + \frac{2.165}{(1+12\%)^5} = 6.368$$

Giấy độ trắng tự nhiên chống loá - mỗi mắt

HONG HA

$$V_2 = \frac{D_2}{(k_e - g)} = \frac{\frac{2165}{\cancel{6238}}}{12\% - 0\%} = 18.042$$

Hiện giá

$$V_2 = \frac{V_2}{(1 + k_e)^5} = \frac{18.042}{(1 + 12\%)^5} = 10.238$$

$$V_2 = V_1 - V_2 = 0 + 10.238 = 10.238$$

b.

$$k_e = 19\%$$

cổ phiếu ACB

$$V_1 = \frac{D_1}{1 + k_e} + \frac{D_2}{(1 + k_e)^2} + \frac{D_3}{(1 + k_e)^3} = \frac{2.610}{1 + 19\%} + \frac{2.904}{(1 + 19\%)^2} + \frac{3.194}{(1 + 19\%)^3} = 6.165$$

$$V_2 = \frac{D_2}{k_e - g} = \frac{4.032}{19\% - 6\%} = 31.015$$

Hiện giá

$$V_2 = \frac{31.015}{(1 + 19\%)^3} = 18.405$$

$$V_{ACB} = V_1 + V_2 = 6.165 + 18.405 = 24.570$$

STB

$$V_1 = \frac{13.14}{19\% - 12\%} = 19.200$$

$$V_2 = \frac{1.178}{1 + 19\%} + \frac{1.626}{(1 + 19\%)^2} + \frac{1.789}{(1 + 19\%)^3} + \frac{1.968}{(1 + 19\%)^4} + \frac{2.165}{(1 + 19\%)^5} = 5.340$$

$$V_2 = \frac{D_2}{(k_e - g)} = \frac{2.165}{19\% - 0\%} = 11.395$$

Hiện giá

$$V_2 = \frac{V_2}{(1 + k_e)^5} = \frac{11.395}{(1 + 19\%)^5} = 4.775$$

$$\Rightarrow V = V_1 + V_2 = 19.200 + 4.775 = 23.975$$

Giấy đỏ trắng tự nhiên chống lóa - mỗi mắt

HONG HA

Chương III : Thị trường giao dịch chứng khoán.

ATO lệnh giá mở cửa.

LO lệnh giới hạn

MP lệnh thị trường

AIC lệnh tự giá đóng cửa.

các loại giá liên quan đến CK.

giá tham chiếu: là giá để SGDCK tính giới hạn giao dịch giá CK trong ngày giao dịch

+ giá thực hiện: là giá CK để xác định từ kết quả

+ phương thức khớp lệnh định kỳ.

Nguyên tắc xác định giá:

+ là mức giá có cung cầu thỏa mãn nhiều I' (khối lượng giao dịch lớn I').

+ Nếu có nhiều mức giá thỏa mãn khối lượng giao dịch lớn I' thì giá nào gần với giá tham chiếu sẽ được lựa chọn.

+ Nếu có 2 mức giá gần với tham chiếu thì lựa chọn giá cao hơn giá tham chiếu.

BT.

vào 1 phiên giao dịch có phiếu AB. Số giao dịch nhận được các lệnh mua và lệnh bán với khối lượng tương ứng như sau.

+ Người mua 1: mua 1000 cổ phiếu giá 20.8

2: mua 300 cổ phiếu giá 20.6

4: mua 1000 cổ phiếu giá 20.5

2: mua 500 cổ phiếu giá 20.7

5: mua 3000 cổ phiếu giá 20.4

6: mua 2000 cổ phiếu giá 20.3

+ Người bán:

Người bán 1: bán 1000 cổ phiếu giá 20.8.

2: bán 700 cổ phiếu giá 20.7.

3: bán 900 cổ phiếu giá 20.6.

4: bán 1000 cổ phiếu giá 20.5

5: bán 2200 cổ phiếu giá 20.4

6: bán 1500 cổ phiếu giá 20.3.

Giấy độ trắng tự nhiên chống lóa - mỗi mặt

HONG HA

VD

câu hỏi: xác định giá khớp lệnh định kỳ và thời lượng giao dịch?

Người mua	Thời lượng mua	Tổng thời lượng mua	giá	Tổng thời lượng bán	Thời lượng bán	Kiểm bán
1	1000	1000	20.8	7300	1000	1
2	500	1500	20.7	6300	700	2
3	700	2200	20.6	5600	900	3
4	1000	3200	20.5	4700	1000	4
5	3000 ⁽⁵⁰⁰⁾	6200	20.4	3700	2200	5
6	2000	8200	20.3	1500	1500	6

20.4 giá khớp lệnh định kỳ. thời lượng khớp lệnh 5700

05 mua được 500 có giá 20.4

1 400 20.4

2 500 20.4

3 700 20.4

4 1000 20.4

06 bán được 1500 giá 20.4

05 bán được 2200 giá 20.4

~~20.4 khớp lệnh định kỳ và giao dịch~~

khớp lệnh định kỳ sẽ được thực hiện để xác định giá mở cửa và thực hiện để xác định giá đóng cửa của giao dịch ngày hôm ~~trước~~ đó.

có tính lệnh đặt lệnh như sau.

xác định giá và thời lượng khớp lệnh, biết rằng giá tham chiếu 10.7

- biên độ giao động giá $\pm 5\%$

VD

Date

No

Mua	khối lượng	giá	Bán	KLường	giá
M1	500	10.5	B1	400	10.8
M2	700	10.2	B2	600	11.2
M3	700	10.4	B3	300	10.8
M4	600	10.8	B4	600	10.5
M5	700	11	B5	400	11.1
M6	200	10.6	B6	400	10.4

BL

	KL mua	giá
M5	700	11.1
M4	600	10.8
M6	200	10.6
M1	500	10.5
M2	700	10.4
M3	700	10.2

Mua	thời lượng mua	lượng KL mua	giá	Σ KL bán	thời lượng bán	bán
	0	0	11.2	2700	600	B2
	0	0	11.1	2100	400	B5
M5	700	700	11	1700		
M4	600	1300	10.8	1700	400	B4
M6	200	1500	10.6	1300		
M1	500	1000	10.5	1300	600	B1
M3	700	2700	10.4	700	400	B6
	0		10.3	300	300	B3
M2	700	3400	10.2	0		

Giấy độ trắng tự nhiên chống loá - môi mắt

HONG HA

Số lệnh của cổ phiếu MZ với giá tham chiếu 27.5.
nguồn đồng như sau

mua	giá	Bán
700 (khách hàng H)	26	800 (khách hàng B)
1300 (khách hàng A)	27.7	3800 (khách hàng B)
1500 (khách hàng C)	27.6	5000 (khách hàng E)
400 (khách hàng N)	27.5	2000 (khách hàng E)
4500 (khách hàng D)	27.3	300 (khách hàng F)
1000 (khách hàng G)	27.2	
	28	1200 (khách hàng J)

xác định giá khớp lệnh, thời lượng khớp lệnh và mỗi tH
bán đi bao nhiêu cổ phiếu.

Bài làm.

Mua	thời lượng mua	Σ tlg mua	giá	Σ tlg bán	khối lượng bán	bán
	0	0	28	5000	1200	J
A	1500	1500	27.7	3800	800	B
C	1500	3000	27.6	3000	500	E
N	400	3400	27.5	2500	2000	E
D	4500	7900	27.3	500	500	F
G	1000	8900	27.2	0		
H	700	9600	26	0		

giá khớp lệnh là: 27.6. khối lượng khớp lệnh 3000

KH A mua đi 1500 cổ phiếu } giá 27.6.

KH C mua đi 1500 cổ phiếu

còn N, D, G, H, không mua được cổ phiếu

Giấy độ trắng tự nhiên chống loá - mỗi mặt

HONG HA

KH F bán được 500 cổ phiếu
 KH E bán được 2000 cổ phiếu
 KH I bán được 500 cổ phiếu
 KH, J, B b° nhận được cổ phiếu.

} giá 27.6

Buong IV: Trái phiếu và định giá trái phiếu.

Thời hạn (n).

Mệnh giá (MV).

Lãi suất (i) \Rightarrow

Tiền lãi trái phiếu $I = MV(i)$.

Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng k_d MV mệnh giá trái phiếu

Định giá trái phiếu không kỳ hạn

$$V = \frac{I}{k_d} \quad (\text{liền lãi}).$$

Định giá trái phiếu có kỳ hạn để hưởng lãi định kỳ hằng năm.

$$V = \frac{I}{(1+k_d)^1} + \frac{I}{(1+k_d)^2} + \dots + \frac{I}{(1+k_d)^n} + \frac{MV}{(1+k_d)^n}$$

Trái phiếu có kỳ hạn để hưởng lãi định kỳ nửa năm.

$$V = \sum_{t=1}^{2n} \frac{I/2}{(1+k_d/2)^t} + \frac{MV}{(1+k_d/2)^{2n}}$$

VĐ: kho bạc trái phiếu phát hành trái phiếu có mệnh giá 10 triệu đồng, kỳ hạn 5 năm, trả lãi định kỳ nửa năm với lãi suất 10%, và nhà đầu tư đòi hỏi lợi nhuận 12%. Khi mua trái phiếu này. Giá trái phiếu là bao nhiêu

$$V = \left[\sum_{t=1}^{2 \cdot 5} \frac{0,112}{(1 + \frac{0,12}{2})^t} + \frac{0,112}{(1 + \frac{0,12}{2})^2} + \dots + \frac{0,112}{(1 + \frac{0,12}{2})^5} \right] + \frac{10}{(1 + \frac{0,12}{2})^{10}}$$

Hình giá trị hiện có tại hạn t^* tương lai - hai phiếu

$$V = \frac{11V}{(1 + k_d)^n}$$

BT

chị A và anh B muốn tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán VN. Ngân hàng đang phát hành trái phiếu, 2 L rủ nhau đầu tư vào trái phiếu C và trái phiếu D. Cả 2 đang xem xét 2 trái phiếu, trái phiếu C và trái phiếu D. Cả 2 trái phiếu này đều có mệnh giá là 100 triệu đồng, để hưởng lãi xuất coupon là 10% / năm trả lãi hàng năm. Trái phiếu C có thời hạn 10 năm, trong khi trái phiếu B có thời hạn 5 năm. Do thiếu am hiểu về thuyết định giá chứng khoán nên chị A và anh B cảm thấy khó khăn và từ chối đầu tư. biết bạn đang theo học ngành ngân hàng, chị A và anh B nhờ bạn trả lời 2 câu hỏi dưới đây với mức thù lao thỏa đáng.

- giá của 2 trái phiếu này sẽ là bao nhiêu nếu nhà đầu tư đòi hỏi tỷ suất lợi nhuận bằng lãi xuất thị trường là 10%?
- Nếu lãi xuất thị trường tăng lên 12%, giá của 2 trái phiếu này sẽ là bao nhiêu?
- Nếu lãi xuất thị trường giảm xuống còn 8%, giá của 2 trái phiếu này là bao nhiêu?
- Trái phiếu nào rủi ro hơn? làm thế nào để biết được? giải thích tại sao.

Bài làm.

$$MV = 100^{th}$$

$$I = 10\% / \text{năm}$$

$$h_p C = 10 \text{ năm}$$

$$k_d = 10\%$$

$$h_p D = 5 \text{ năm}$$

$$I = 100 \cdot 10\% = 10^{th}$$

Giấy độ trắng tự nhiên chống lóa - mới mắt

HONG HA

trái phiếu C:

$$V = \frac{I}{(1+k_d)^1} + \frac{I}{(1+k_d)^2} + \dots + \frac{I}{(1+k_d)^n} + \frac{MV}{(1+k_d)^n}$$

$$V = \frac{10}{(1+0,1)^1} + \frac{10}{(1+0,1)^2} + \dots + \frac{10}{(1+0,1)^{10}} + \frac{100}{(1+0,1)^{10}} = 99,990$$

trái phiếu D:

$$V_D = \frac{10}{(1+0,1)^1} + \frac{10}{(1+0,1)^2} + \dots + \frac{10}{(1+0,1)^5} + \frac{100}{(1+0,1)^5} = 62,39$$

b $k_d = 12\%$

$$V_C = \frac{10}{(1+0,12)^1} + \frac{10}{(1+0,12)^2} + \dots + \frac{10}{(1+0,12)^{10}} + \frac{100}{(1+0,12)^{10}} = 88,69$$

$$V_D = \frac{10}{(1+0,12)^1} + \frac{10}{(1+0,12)^2} + \dots + \frac{10}{(1+0,12)^5} + \frac{100}{(1+0,12)^5} = 92,28\%$$

c $k_d = 8\%$

$$V_C = \frac{10}{(1+8)^1} + \frac{10}{(1+8)^2} + \dots + \frac{10}{(1+8)^{10}} + \frac{100}{(1+8)^{10}} = 113,69$$

$$V_D = \frac{10}{(1+8)^1} + \frac{10}{(1+8)^2} + \dots + \frac{10}{(1+8)^5} + \frac{100}{(1+8)^5} = 107,97$$

BT

- Nhà đầu tư mua 1 trái phiếu ~~1000~~ kỳ hạn 10 năm trong khoảng 10 năm với hạn kỳ xuất lợi nhuận 12%/năm hằng năm giá của trái phiếu này
- NHĐT 1 VN phát hành trái phiếu 10 năm kỳ hạn 10 năm mệnh giá 1000 \$ tỷ suất LN 12%
Giấy độ trắng tự nhiên chống lửa - mỗi mặt

HONG HA

Hãy tính giá của hai phiếu này.

3. Hai phiếu ctg A phát hành có mệnh giá 1000 \$ kỳ hạn 12 năm trả lãi nửa năm 1 lần với lãi 10% / năm. Nhà đầu tư kỳ vọng tỷ suất lợi 12% năm.

a. Hai phiếu có mệnh giá 100.000 kỳ hạn 2 năm ngày phát hành 23/10/2012 ngày đáo hạn 23/10/2014
lãi 8,25% trả lãi định kỳ nửa năm. Nhà đầu tư kỳ vọng tỷ suất lợi 10% giờ giá hai phiếu này là bao nhiêu

1. $I = 50$, $t_d = 12\%$

$$V = \frac{I}{k_d} = \frac{50}{12\%} = 416,67 \$$$

2. $n = 10$

$MV = 1.000$ $k_d = 12\%$

$$V = \frac{MV}{(1 + 0,12)^{10}} = \frac{1000}{(1 + 0,12)^{10}} = 321,97$$

3. $MV = 1000 \$$ $n = 12$ $k_d = 10\%$

$$I = 1000 \cdot 10 = 1000 = 100/2 = 50.$$

$$V = \sum_{t=1}^{2n} \frac{I/2}{(1 + k_d/2)^t} + \frac{MV}{(1 + k_d/2)^{2n}}$$

$$V = \sum_{t=1}^{2 \cdot 12} \left[\frac{50}{(1 + 0,07)^1} + \frac{50}{(1 + 0,07)^2} + \frac{50}{(1 + 0,07)^3} + \dots + \frac{50}{(1 + 0,07)^{24}} \right] + \frac{50}{(1 + 0,07)^{24}}$$

$$= (46,73 + 36,67 + 40,81 + 38,14 + 35,65 + 33,32 + \dots + 31,18 + 29,10 + 27,20 + 24,42 + 23,75 + 22,20) + 9,86$$

$$V = 398,99$$

Giấy độ trắng tự nhiên chống lóa - mỗi mặt

HONG HA

$$A: \quad MV = 100 \quad n = 2$$

$$k_d = 10\%$$

$$I = 100 \cdot 8,25 = 8.25 = 4.125$$

$$V = \sum_{t=1}^{2n} \left[\frac{I/2}{(1+k_d)^{\frac{t}{2}}} + \frac{I/2}{(1+k_d)^{\frac{t}{2}}} \right] + \frac{MV}{(1+k_d)^{2n}}$$

$$V = \sum_{t=1}^4 \frac{4.125}{(1+0,05)^t} + \frac{4.125}{(1+0,05)^4}$$

$$= 3.93 + 3.74 + 3.39 = 11,06$$

1. thế nào là tài sản, tài chính, cho và tài là TC mà anh chị biết.
2. trình bày các bộ phận chính của 1 hệ thống tài chính
3. thế nào là thị trường tài chính: phân biệt các loại thị trường sau đây.
thị trường tài chính, T^2 chứng khoán, T^2 vốn, T^2 tiền tệ, T^2 ngoại tệ.
4. phân biệt từng loại tổ chức tài chính trong hệ thống tài chính của 1 quốc gia.
5. phân biệt từng loại công cụ tài chính trong hệ thống tài chính một quốc gia.
6. trình bày các công cụ TC chính để giao dịch trên T^2 vốn
7. trái phiếu là gì? Nó có 2 đặc trưng gì? ~ đặc trưng này quan trọng như thế nào đối với trái phiếu
8. trình bày ~ đ' 1 nhau giữa trái phiếu cp và trái phiếu cty
9. cho biết các công cụ tài chính để giao dịch trên T^2 tiền tệ

- 10) thế nào là ctg cổ phần? ctg cổ phần có ~ đ' MV nào
trình bày ưu đ' và nhược đ' nó với các loại hình ctg?
- 11) Sơ giao dịch chứng khoán là gì? hình thức nó như thế nào?

Bài tập

1. Ctg đang xem xét đầu tư trái phiếu có mệnh giá 1000\$ thời hạn 20 năm. Tỷ suất lợi nhuận y/c là 7%. Tính giá trị hiện tại của trái phiếu này.

BL

$$k_d = 7\% \quad n = 20$$

$$MV = 1000$$

$$V = \frac{MV}{(1 + k_d)^n} = \frac{1000}{(1 + 7\%)^{20}} = 258.419$$

2. Ctg đang nắm giữ trái phiếu cp có thời hạn 15 năm mệnh giá 1 tỷ đồng, lãi hàng năm 100 triệu tỷ suất LN y/c của trái phiếu là 12%.

a) hãy xác định giá trị của trái phiếu.

b) giá trái phiếu thay đổi NIN nếu tỷ suất LN tăng lên 15% hoặc giảm xuống 8%.

c) 1 trái phiếu có Tlc ngắn hạn trái phiếu này ngoài thời hạn chỉ có 5 năm thay vì 15 năm, làm đại xác lc của các b ở trái phiếu này.

BL

$$n = 15 \quad I = 100$$

$$MV = 1.000 \quad k_d = 12\%$$

$$V = \frac{I}{(1 + k_d)^1} + \frac{I}{(1 + k_d)^2} + \dots + \frac{I}{(1 + k_d)^{15}} + \frac{MV}{(1 + k_d)^{15}}$$

$$V = \frac{100}{(1 + 12\%)^1} + \frac{100}{(1 + 12\%)^2} + \dots + \frac{100}{(1 + 12\%)^{15}} + \frac{1000}{(1 + 12\%)^{15}}$$

Giấy đồ trắng tự nhiên chống lửa - 500 tờ

HONG HA

$$\begin{aligned}
 & 99,29 + 79,72 + 71,18 + 63,55 + 56,74 + 50,66 + 45,23 + \\
 & 40,39 + 36,06 + 32,2 + 28,75 + 25,67 + 22,92 + 20,46 + 18,27 + 16,7 \\
 & = 863,79
 \end{aligned}$$

b. $k_d = 15\%$

$$\begin{aligned}
 V &= \frac{100}{(1+15\%)^1} + \frac{100}{(1+15\%)^2} + \dots + \frac{100}{(1+15\%)^{15}} + \frac{1.000}{(1+15\%)^{15}} \\
 &= 707,63
 \end{aligned}$$

$k_d = 8\%$

$$\begin{aligned}
 V &= \frac{100}{(1+8\%)^1} + \frac{100}{(1+8\%)^2} + \dots + \frac{100}{(1+8\%)^{15}} + \frac{1.000}{(1+8\%)^{15}} \\
 &= 3391,97 \quad 1.171,18
 \end{aligned}$$

c. $n = 5$ $k_d = 15\%$

$$\begin{aligned}
 V &= \frac{100}{(1+15\%)^1} + \frac{100}{(1+15\%)^2} + \frac{100}{(1+15\%)^3} + \frac{100}{(1+15\%)^4} + \frac{100}{(1+15\%)^5} \\
 &+ \frac{1.000}{(1+15\%)^5} = 832,39
 \end{aligned}$$

$n = 5$ $k_d = 8\%$

$$\begin{aligned}
 V &= \frac{100}{(1+8\%)^1} + \frac{100}{(1+8\%)^2} + \frac{100}{(1+8\%)^3} + \frac{100}{(1+8\%)^4} + \frac{100}{(1+8\%)^5} \\
 &+ \frac{1.000}{(1+8\%)^5} = 1.079,85
 \end{aligned}$$

3. cổ phiếu ACB đã mua bán trên T² với giá 37.100 đ/cp
 thu nhập của Cty đã dự đoán sẽ tăng 5%/năm
 hàng năm. Cty hiện trả cổ tức là ~~1200~~ 1600 đ/cp.
 a. giả định rằng tỷ lệ tăng trưởng cổ tức G cũng đã
 duy trì liên tục ở mức tăng trưởng thu nhập của Cty
 Giấy đỏ trắng tự nhiên chống lóa - mỗi mặt **HONG HA**

- a) tính tỷ suất sinh lời y/c của nhà đầu tư.
 b) do ảnh hưởng lạm phát khiến nhà đầu tư đòi hỏi lợi nhuận cao đến 18% trong khi tốc độ \uparrow cổ tức G trở lại gần với mức ban đầu.

BL.

$$a) \begin{aligned} D_1 &= 37.100 & D_0 &= 1.600, & D_1 &= D_0 (1 + g) \\ g &= 8,5\% & & & &= 1600(1 + 8,5\%) = 1736 \\ k_e &= ? \end{aligned}$$

$$V = \frac{D_1}{k_e - g} \Rightarrow k_e = \frac{D_1}{V} + g$$

$$V = \frac{1.736}{0,1387} + 8,5\% = 0,1387 = 13,87\%$$

$$b) \begin{aligned} D_0 &= 1600 \\ k_e &= 18\% \\ g &= 8,5\% \end{aligned} \quad \begin{aligned} V &= \frac{D_1}{k_e - g} = \frac{D_0 (1 + g)}{18\% - 8,5\%} \\ &= \frac{1600 (1 + 8,5\%)}{9,5\%} = 18.273 \end{aligned}$$

4/1 Nhà đầu tư cá nhân hiện đang nắm giữ 3 loại cổ phiếu, SAM, AGS, BEE
 Các cổ phiếu đang trả cổ tức lần lượt là 1.600, 1.400.
 Theo kỳ vọng chủ quan của nhà đầu tư này.
 thì cổ phiếu SAM sẽ đạt chi trả tối thiểu ở mức này mãi
 trong dài hạn.
 Cổ phiếu AGS sẽ

9/ SAM : $g = 0$.

$$V_1 = \frac{D}{k_e} = \frac{1600}{0,12} = 13.333 (\text{đ})$$

AGS.

3 năm đầu : $g = 0,1$.

$$D_1 = D_0 (1 + g) = 2400 (1,1) = 2640.$$

$$D_2 = D_1 (1 + g) = 2904.$$

$$D_3 = D_2 (1 + g) = 3194.$$

$$\Rightarrow V_2 = \frac{D_1}{1 + k_e} + \frac{D_2}{(1 + k_e)^2} + \frac{D_3}{(1 + k_e)^3}.$$

$$= \frac{2640}{1,12} + \frac{2904}{(1,12)^2} + \frac{3194}{(1,12)^3} = 6760.$$

từ năm 4 trở đi $g' = 0,06$.

$$\Rightarrow V_2 = \frac{D_4}{k_e - g} = \frac{D_3 (1 + g)}{k_e - g'} = \frac{3194 (1,06)}{0,12 - 0,06} = 56427 (\text{đ}).$$

Hiện giá của V_2 .

$$V_2' = \frac{V_2}{(1 + k_e)^3} = 40164 (\text{đ})$$

$$\text{vậy } V_{\text{thứ 8}} = V_1 + V_2' = 6760 + 40164 = 46924 (\text{đ})$$

$$\rightarrow \text{REE năm 1, } V = \frac{D_1}{1+k_e} = \frac{D_0(1+g)}{1+k_e} = \frac{1200(1+0,12)}{1,12}$$

5 năm tiếp (g = 0,1)

$$D_2 = D_1(1+g) = 14178$$

$$D_3 = D_2(1+g) = 1624$$

$$= 1789$$

$$1967$$

$$D_6 = D_5(1+g) = 2165$$

$$V_2 = \frac{D_2}{(1+k_e)^2} + \frac{D_3}{(1+k_e)^3} + \dots + \frac{D_6}{(1+k_e)^6}$$

$$V_2 = 5686 \text{ đ}$$

$$\text{Hiện giá } V_2' = \frac{V_2}{(1+k_e)^3} = 4532$$

từ năm 7 trở đi

$$V_3 = \frac{D_4}{k_e} = \frac{D_6}{k_e} = \frac{2165}{0,12} = 18042 \text{ đ}$$

Hiện giá V_3'

$$V_3' = \frac{V_3}{(1+k_e)^3} = \frac{18042}{(1,12)^3} = 9141 \text{ đ}$$

$$\text{vậy } V_{\text{REE}} = V_1 + V_2' + V_3' = 1200 + 4532 + 9145$$

$$= 14873 \text{ đ}$$

5) phân biệt từng loại công cụ tài chính trong hệ thống tài chính của mỗi quốc gia?

- Công cụ tiền T¹ tài chính:

- Tiền:

Bao gồm tiền gửi, kim loại do công chúng nắm giữ và tiền gửi k^o kỳ hạn tại các NHTM và các tổ chức nhận tiền gửi &

- Các công cụ nợ

Các công cụ này bao gồm: tín phiếu, trái phiếu, thương phiếu chứng chỉ tiền gửi và các khoản phải thu.

Đặc điểm chung của các công cụ này là chúng đều có thời hạn. Do đó khi đáo hạn phải trả lại số tiền cho vay, lợi tức cố định.

- Các công cụ vốn (cổ phiếu).

Đây là công cụ huy động vốn của công ty cổ phần.

Người mua cổ phiếu là kⁱ góp vốn vào cty và họ là 1 trong những chủ sở hữu của cty.

- Các công cụ phái sinh.

Đây là công cụ hình thành từ quá trình mua hoặc bán các công cụ nói trên.

Các công cụ phái sinh phổ biến:

quyền mua cổ phần, chứng khoán hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn hay hợp đồng hoán đổi.

3. Thế nào là T² tài chính? phân biệt các loại T² sau đây

- T² tài chính, T² tiền tệ, T² vốn, T² chứng khoán

T² ngoại tệ

- T² tài chính: là nơi diễn ra hoạt động mua bán các công cụ tài chính, là T² chuyển dịch các người tài chính từ nơi thừa vốn đến nơi thiếu vốn.

- T^2 tiền tệ.

là thị trường mua bán các công cụ có thời hạn ngắn (tối đa 1 năm) như: tín phiếu kho bạc, thường phiếu, trái phiếu đã được Ngân hàng chấp nhận.

T^2 vôn.

là thị trường mua bán các công cụ có thời hạn dài hơn 1 năm như: trái phiếu công, trái phiếu công và chính quyền địa phương, cổ phiếu.

T^2 chứng khoán.

là nơi mua bán, chuyển nhượng các loại chứng khoán tùy nhiên: \rightarrow với các loại T^2 \neq , $T1$ là T^2 cao cấp, tại đó chứng khoán có thể thấy nhiều tổ chức \rightarrow nhau nhiều phương thức mua bán \rightarrow nhau nhiều loại khác nhau mua bán \rightarrow và các loại T^2 có vai trò \neq nhau.

T^2 ngoại tệ

là T^2 giao dịch đối với đồng tiền của các quốc gia \neq (trái phiếu là gì) \sim ^{thường} của trái phiếu? ~~và đây~~ đặc trưng này quan trọng như nào? khi định giá trái phiếu.

- Trái phiếu là chứng thư xác nhận 1 khoản nợ của K phát hành ra nó, trong đó cam kết sẽ trả khoản nợ kèm với tiền lãi trong 1 thời hạn nhất định.

- Một trong những đặc điểm quan trọng của trái phiếu là vị thế của người phát hành.

Vị thế của K phát hành cao thì khả năng thanh toán tiền lãi và hoàn vốn trái phiếu cao, ngược lại thì thấp.

6) Trình bày các công cụ tài chính để giao dịch trên V^2 vốn?

các công cụ để giao dịch trên V^2 vốn.

- Trái phiếu, cổ phiếu, chứng khoán cầm cố bất động sản.
 - Trái phiếu là chứng nhận dài hạn do cty hoặc chính phủ phát hành để huy động vốn tài trợ cho hoạt động.
 - Cổ phiếu là chứng nhận đầu tư và sử dụng 1 phần trong cty cổ phần.
 - Chứng khoán cầm cố bất động sản là loại chứng khoán nhận nợ dài hạn được tạo ra nhằm việc mua bất động sản.
- 7) Cho biết các công cụ tài chính để giao dịch trên T^2 tiền tệ.

gồm có các công cụ tài chính ngắn hạn

- Tín phiếu kho bạc, là chứng khoán có thời hạn ≤ 0 quá 1 năm do kho bạc phát hành để huy động vốn bù đắp thiếu hụt cho ngân sách.
- Chứng chỉ tiền gửi là chứng chỉ do các tổ chức nhận tiền gửi phát hành.
- Tín phiếu cty: là các chứng khoán ngắn hạn do cty phát hành để huy động vốn ngắn hạn.
- Chuẩn nhuận của ngân hàng các ngân hàng sẽ chấp nhận thanh toán nợ tiền ghi tiền hối phiếu được xuất trình tại ngân hàng.
- Choả thuận mua lại: là thoả thuận theo đó ngân hàng sẽ bán

chứng khoán, cổ phiếu mà họ sở hữu kèm theo cam kết sau này mua lại chứng khoán đó.

1) Sở GD&ĐT là gì? Hình thức sở hữu và tổ chức của SGOCK

- SGOCK: là nơi diễn ra quá trình mua bán chứng khoán.

- được tổ chức dưới các dạng

+ SGOCK được tổ chức dưới dạng 1 câu lạc bộ,

hình thức này do các Cty môi giới CK tự tổ chức và quản lý theo luật pháp mà không có sự can thiệp của nhà nước.

- SGOCK được tổ chức dưới dạng 1 Cty cổ phần với các cổ đông là các Cty CK. Dưới hình thức này SGOCK hoạt động theo luật Cty cổ phần và chịu sự quản lý của nhà nước.

- SGOCK được tổ chức dưới dạng 1 Cty cổ phần nhưng có sự tham gia quản trị và điều hành của nhà nước. Người làm thành phần của HĐQT có các thành viên là L- uộc UBCK & GT và giám đốc điều hành do UBCK & GT chỉ định.

1) phân loại từng loại tổ chức tài chính trong hệ thống tài chính của 1 quốc gia

⇒ gồm có 2 tổ chức tài chính,

+ tổ chức nhận tiền gửi và tổ chức phi tiền gửi.

- tổ chức nhận tiền gửi

+ NHTM, là tổ chức trung gian giữa L- thừa vốn và L- thiếu vốn.

+ tổ chức tiết kiệm, là loại hình tổ chức nhận tiền gửi thường được tổ chức dưới hình thức tiết kiệm hoặc cho vay hoạt động tự trị NHTM chủ yếu tập trung vào cá nhân hơn là Cty.

+ hiệp hội tín dụng, là tổ chức phi lợi nhuận

Giấy độ trắng tự nhiên chống loá - mỗi mắt

HONG HA

nguồn vốn huy động từ hội viên và cung cấp tín dụng lại cho các hội viên.

Để chức phí tiền gửi.

→ các Cty tài chính: huy động vốn bằng cách phát hành chứng khoán, và sử dụng vốn huy động được để cho vay hoặc cộng cho vay của Cty tài chính giống NHMT, nhưng nó chỉ chủ yếu phân phối loại T^2 nào đó.

→ quỹ đầu tư tương hỗ: huy động vốn bằng cách bán cổ phần cho các nhà đầu tư và sử dụng số vốn đó để đầu tư chứng khoán trên T^2 tài chính.

→ Cty chứng khoán: Cty chứng khoán sẽ cung cấp các loại hình dịch vụ tài chính như: môi giới, kinh doanh, tư vấn chứng khoán.

→ Cty bảo hiểm: huy động vốn bằng cách chào bán các hợp đồng quân chúng và sử dụng nguồn vốn huy động được để đầu tư vào T^2 tài chính.

→ quỹ hưu bổng: được hình thành từ tiền đóng góp của các Cty và chính phủ được sử dụng đầu tư vào T^2 tài chính. vốn gốc và lãi được chi trả dưới dạng lương hưu.

8. Trình bày những điểm khác nhau giữa hai phiên chính phủ và hai phiên công ty.

→ giống nhau

Mục đích của việc phát hành trái phiếu là huy động vốn vay.

→ khác nhau

→ đối với hai phiên Cty:

việc huy động vốn vay nhằm bổ sung vốn tạm thời thiếu hụt trong quá trình sản xuất kinh doanh (chủ yếu là vốn lưu động).

hoặc do các Cty phát hành nhằm thu hút vốn dài hạn phục vụ cho nhu cầu mở rộng quy mô kinh doanh.

5 hai phiếu chính phủ.

Huy động vốn vay nhằm 2 mục đích: chủ yếu nhằm cân đối ngân sách khi phát hành trái phiếu thực hiện chính sách tiền tệ của nhà nước.

10 KN và $\sim d^2$ của cty cổ phần ? trình bày ưu và nhược điểm so với các loại hình cty ?

- KN: công ty cổ phần là doanh nghiệp trong đó:

+ với điều lệ đã chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần

+ cổ đông của cty có thể là tổ chức, cá nhân, số lượng cổ đông tối thiểu là 3 và không hạn chế về tối đa.

+ cổ đông chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp.

+ cổ đông có quyền chuyển nhượng cổ phần của mình cho k^h.

- đặc điểm cty cổ phần:

+ về vốn góp và cách góp vốn:

+ với điều lệ của cty cổ phần đã chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, gọi tắt cổ phần là mệnh giá cổ phần.

+ thành viên của cty cổ phần chính là các chủ sở hữu cổ phần.

+ cty cổ phần có quyền phát hành các loại chứng khoán.

+ cty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ khi cấp chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- ưu điểm của cty cổ phần:

cty cổ phần có quyền phát hành các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán để huy động vốn từ công chúng khả năng này tạo thành ưu thế đặc biệt của cty cổ phần so với các loại cty.

thì có đủ điều kiện theo quy định luật chứng khoán
cty cổ phần có thể phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ
hoặc tái phiếu để vay vốn.

- Nhược điểm.

- khó quản lý. và rủi ro trong việc phát hành tái phiếu
và chung nguồn vốn hợp lý.

